

Báo cáo Tổng quát

Phân tích Ranh giới Toàn Quận tìm cách hiểu mức độ mà ranh giới trường học hiện tại ở Quận Montgomery nâng cao hơn nữa các mục tiêu của MCPS nhằm tạo điều kiện cho các kết quả công bằng và tốt nhất trong việc sử dụng cơ sở, sự đa dạng của học sinh trong trường học, trạng thái ở gần trường học của các học sinh, và sự ổn định của việc ổn định trường học của học sinh. Nghiên cứu xúc tiến hơn nữa các nỗ lực tham gia của MCPS, từ mùa xuân 2019 và sẽ tiếp tục lôi cuốn các thành viên cộng đồng để hiểu các thách thức đối với việc tạo ra các trường học tích hợp một cách có ý nghĩa hơn, đa dạng, truy cập và đáp ứng nhiều hơn về mặt văn hóa trong quận.

Báo cáo này được xây dựng dựa trên phân tích và sự tham gia được thực hiện trong Giai đoạn 1 của Phân tích Ranh giới Toàn Quận, được ghi lại trong **Báo cáo Tạm thời** xuất bản vào Tháng 3, 2020.

Phân Tích Ranh Giới Toàn Quận MCPS

Do sự thay đổi về ghi danh và nhân khẩu học ngày càng tăng trong những năm gần đây, Hội đồng Giáo dục MCPS (BOE) đã thông qua một nghị quyết vào tháng Giêng, 2019, chỉ thị Giám đốc các Trường xét lại ranh giới trường học hiện tại.¹ Sau giai đoạn tham gia của công chúng do MCPS hướng dẫn vào mùa xuân 2019, Phân tích Ranh giới Toàn Quận bắt đầu vào mùa thu 2019, do nhóm tư vấn WXY hướng dẫn.

Sự cần thiết của phân tích này được củng cố bởi các điều kiện thay đổi trong hệ thống trường học và quận. Một số lý do chủ yếu khiến MCPS khởi xướng việc nghiên cứu này bao gồm:

- **Trường học quá đông:** Hơn một nửa số trường MCPS đã bị sử dụng quá mức, có nghĩa là số học sinh ghi danh vượt quá năng lực của chương trình. Số học sinh ghi danh dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong những năm tới.
- **Thống kê dân số thay đổi:** Toàn thể học sinh của MCPS ngày càng trở nên đa dạng. Hệ thống trường học đã chứng kiến sự gia tăng tỷ lệ học sinh gốc Nam Mỹ, người Mỹ gốc Á và người Mỹ gốc Phi châu trong 20 năm qua. Tuy nhiên, sự đa dạng về chủng tộc hay kinh tế xã hội không được phân phối đồng đều trên toàn quận.
- **Những thách thức liên quan đến việc ở gần trường học:** Sự khác biệt về địa lý và hệ thống giao thông trên toàn quận tạo ra các điều kiện phức tạp liên quan đến việc ở gần trường học. Ngoại trừ việc ghi danh vào các trường magnet và các chương trình lựa chọn, khoảng 45% học sinh trên toàn quận không theo học tại trường gần nhà họ nhất.
- **Thay đổi nhu cầu lập trình:** Khi nhân khẩu của học sinh thay đổi và tổng số ghi danh tăng lên, các nhu cầu có lập trình của quận cũng cần thay đổi. Ví dụ, việc gia tăng số học sinh ghi danh mà ngôn ngữ chính không phải là tiếng Anh làm tăng nhu cầu về chương trình ESOL (tiếng Anh cho Người nói Ngôn ngữ khác). Các chương trình bị ảnh hưởng khác bao gồm Giáo dục Đặc biệt, Pre-K/Head Start, và các trường tiểu học với Lốp học Giảm số học sinh (CSR).

Được hướng dẫn bởi bốn yếu tố—được gọi là thấu kính trong suốt báo cáo này—được nêu trong [FAA Chính sách](#) (sử dụng, tính đa dạng, khoảng cách đến trường và tính ổn định của việc chỉ định trường), phân tích này đã tìm cách cung cấp BOE với những hiểu biết và phát hiện để giải quyết những thách thức này và thách thức khác trong việc lập kế hoạch tương lai liên quan đến ranh giới trường học trong MCPS.

¹ Lưu ý: sau một khuynh hướng tăng lên kể từ năm học 2007-2008, ghi danh đã giảm cho năm học 2020-2021 do COVID-19.

Giai đoạn 1 Tổng quát

Kéo dài từ mùa thu 2019 đến mùa xuân 2020, Giai đoạn 1 bao gồm phân tích dữ liệu, đo tiêu chuẩn, và sự tham gia của công chúng và đạt đến cực điểm vào tháng 3, 2020 với xuất bản Báo cáo Tạm thời Phân tích Ranh giới Toàn quận. Hơn 2,200 thành viên cộng đồng đã tham gia trong một kết hợp các cuộc họp công cộng toàn khu vực, các cuộc họp nhóm nhỏ với các nhóm có tỉ lệ đại diện thấp, và phỏng vấn các nhóm liên quan.

Một số lượng lớn của các chi tiết xuất hiện từ phân tích Giai đoạn 1, bao gồm:

- Mỗi cấp trường học cho thấy những thách thức và cơ hội riêng biệt về ranh giới trường học. Các trường trung học cấp II MCPS có những thách thức đặc biệt với khoảng cách trường học của học sinh, các trường trung học cấp III được dự đoán sẽ đối mặt với tình trạng sử dụng quá mức thật nghiêm trọng vào năm 2026, và các trường tiểu học có sự cách biệt nhiều nhất trong bốn thấu kính phân tích.
- Địa lý (bao gồm sự đông đúc dân số và khoảng cách gần với các đường giao thông quan trọng như Xa lộ liên tiểu bang 270) là một thành phần thiết yếu của ranh giới trường học với tác động đến nhiều số liệu khác nhau trong toàn Quận MCPS.
- Hai tập thể của học khu cho thấy những cân nhắc về kế hoạch độc nhất, bao gồm tỷ lệ chênh lệch cao về chủng tộc và kinh tế xã hội trong Downcounty Consortium (DCC), và những thách thức lớn hơn với khoảng cách gần trong Northeast Consortium (NEC).¹
- Hình dạng và cấu trúc của các khu vực đi học tại MCPS đóng vai trò quan trọng trong việc xem xét các ranh giới của trường. Ví dụ: ranh giới các Nhóm trường có thể góp phần vào sự cô lập về chủng tộc và kinh tế xã hội, và việc ấn định cô lập có xu hướng làm giảm sự cô lập về chủng tộc/kinh tế xã hội trong khi tăng khoảng cách đến trường.

Ngoài ra, thông qua điểm chuẩn, phân tích so sánh MCPS với sáu học khu khác trên toàn quốc: Charlotte-Mecklenburg Schools (CMS), Duval County Public Schools (DCPS), Fairfax County Public Schools (FCPS), Gwinnett County Public Schools (GCPS), Houston Independent School District (HISD), và Wake County Public Schools (WCPS).

Nhiều chi tiết cũng xuất hiện từ Tiếp cận Giai đoạn 1, mà đã thông báo về cách tiếp cận và phân tích của chúng tôi trong Giai đoạn 2. Điều này gồm có:

¹ Sự khác biệt là một đo lường thống kê về mức độ khác biệt của một trường học so với một nhóm các trường gần kề (tức là 3 trường gần nhất). Sự khác biệt được biểu thị theo giá trị từ 0 đến 1 - trong đó 1 là giá trị khác biệt nhất. Để xem giải thích đầy đủ về sự khác biệt và cách sử dụng nó trong phân tích này, yêu cầu xem [Interim Report](#) (trang 136, 207).

- Có những quan điểm trái ngược nhau về tầm quan trọng của nghiên cứu này, và các ưu tiên mà MCPS nên tuân theo trong việc điều chỉnh ranh giới trường học trong tương lai.
- Do những khó khăn tiếp cận với các nhóm với tỉ lệ đại diện thấp, những hiểu biết sâu rộng hơn về sự tham gia không phản ánh đầy đủ về nhân khẩu học của quận. Các cuộc họp nhóm nhỏ để thu hút các cộng đồng với tỉ lệ đại diện thấp thường đưa đến các ưu tiên hay chủ đề chủ yếu khá khác biệt so với các chủ đề được nêu ra trong các cuộc họp công cộng toàn quận.
- Một chủ đề lặp đi lặp lại trong quá trình tham gia của cộng đồng là tầm quan trọng của việc gần trường học. Nhiều phụ huynh nhấn mạnh vào thấu kính này đã thông báo cách tiếp cận mô hình trong phân tích giai đoạn 2, mà giới hạn mô hình để chỉ phân tích những thay đổi ranh giới dựa trên các khu vực trường học kề nhau và không mô hình hóa các ấn định trường mới.
- Có những quan điểm trái ngược nhau về vai trò của sự đa dạng trong ranh giới trường học, cũng như một loạt các giả thuyết về sự đánh đổi giữa sự đa dạng, khoảng cách trường học và sự ổn định của việc ấn định. Các mối quan hệ giữa các điểm này đã được tìm hiểu thêm trong quá trình phân tích Giai đoạn 2.

Để có bản tóm tắt đầy đủ thông tin chi tiết từ phân tích Giai đoạn 1 và sự tham gia của cộng đồng, yêu cầu xem [Tổng quát về Chi tiết Giai đoạn 1](#). Người đọc được khuyến khích xem qua các thông tin chi tiết từ Giai đoạn 1 về bối cảnh để bổ sung sự hiểu biết về báo cáo này.



Những người tham gia thảo luận trên bàn tại một cuộc họp công cộng khu vực tại Trường Trung học Gaithersburg vào Ngày 4 tháng 12, 2019 (hình ảnh của: Rodrick Campbell)

Giai đoạn 2 Tổng quát

Giai đoạn 2 của Phân tích Ranh giới xây dựng dựa trên phân tích và sự tham gia được thực hiện trong Giai đoạn 1.

Phân Tích

Việc phân tích từng thấu kính trong số bốn thấu kính trong Giai đoạn 1, kết hợp với những hiểu biết có được qua sự tham gia của công chúng và hướng dẫn từ MCPS, đã thông báo cho chúng tôi phương cách phân tích trong giai đoạn này. Dựa trên phân tích riêng biệt của từng thấu kính trong Giai đoạn 1, giai đoạn này tập trung vào các điểm giao nhau giữa việc sử dụng, tính đa dạng, khoảng cách đến trường và sự ổn định của việc chỉ định học sinh.

Để hiểu được các mối quan hệ qua lại này, chúng tôi đã tạo các mô hình mà kiểm tra tác động của việc cân bằng giữa việc sử dụng, tính đa dạng và khoảng cách gần trường bằng cách giả định các ranh giới trường học. Các mô hình giúp chúng tôi hiểu và kèm theo các ước lượng về tác động cho các câu hỏi như:

- Những loại cải tiến nào có thể đạt được (trong một số thông số nhất định)?
- MCPS có thể cải thiện nhiều yếu tố cùng một lúc (ví dụ: giảm khoảng cách đến trường và cải thiện việc sử dụng; hay cải thiện việc sử dụng trong khi giảm sự khác biệt về kinh tế xã hội và chủng tộc giữa các trường lân cận) không?
- Có bao nhiêu học sinh sẽ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi ranh giới trong khi thực hiện những cải tiến này?

Sử dụng các mô hình như là công cụ để phân tích những câu hỏi này, chúng tôi có thể ước lượng tốt hơn các tác động giữa các đo lường về sử dụng, sự ổn định về chỉ định, khoảng cách đến trường và tính đa dạng trong MCPS. Năm mô hình được kiểm tra trong báo cáo này là:

- **Sử dụng A:** Cải thiện Việc Sử dụng Trong Ranh giới Nhóm trường Hiện tại
- **Sử dụng B:** Cải thiện Việc Sử dụng giữa các Trường Lân cận (không tuân theo ranh giới nhóm trường hiện có)
- **Sự Đa Dạng:** Điều chỉnh sự Khác biệt về Nhân khẩu học Trong khi Giảm mức Sử dụng
- **Khoảng cách Đến Trường A:** Ưu tiên Khoảng cách đến Trường trong khi Giảm Sử dụng
- **Khoảng cách Đến Trường B:** Tối ưu hóa Khoảng cách đến Trường Rồi Điều chỉnh Việc Sử dụng

Các mô hình chứng minh là có thể đưa ra các kế hoạch ranh giới mà sẽ cải thiện nhiều chỉ số quan trọng trong khi vẫn duy trì khoảng cách đến trường hiện tại và các chính sách và chương trình ấn định hiện tại.

Phần 2: Mô hình Ranh giới Trường học phác thảo phương pháp luận của chúng tôi, giải thích sâu về mô hình là gì và cách thức mô hình hoạt động, và chia sẻ những phát hiện chính từ phân tích này.

Tham gia

Quá trình Tham gia Giai đoạn 2 được định hình bằng cả ý kiến của cộng đồng trong Giai đoạn 1 và các hạn chế của đại dịch COVID-19. Trung tâm của quy trình là Khám phá Ranh giới Tương tác (IBE), một nền tảng trực tuyến cho phép người dùng tìm hiểu về Phân tích Ranh giới và các thấu kính chính của nó, đồng thời tự khám phá các dữ liệu thông qua bản đồ, bảng và các dữ liệu hình dung khác. IBE được sử dụng như một cách xúc tác cho sự tham gia trực tuyến và là một công cụ để thu thập ý kiến công chúng trực tiếp thông qua một cuộc khảo sát trên trang mạng.

Nhiều người tham gia trong quá trình tham gia Giai đoạn 1 đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc truy cập dữ liệu và sự minh bạch trong quá trình này. Một số yêu cầu khả năng tự tương tác với các dữ liệu để kết hợp các xu hướng của học khu cấp cao hơn được chia sẻ trong phân tích Giai đoạn 1 với dữ liệu thống kê cụ thể về trường học của họ và các trường khác trong quận. Để đáp ứng điều này, IBE đã được sửa đổi để cho phép người dùng tìm hiểu dễ dàng số liệu thống kê cho bất kỳ trường học nào trong quận, và sau đó so sánh các dữ liệu thống kê đó với mức trung bình của Nhóm trường và toàn quận; và tích hợp các lớp dữ liệu được sử dụng trong Phân tích Ranh giới Toàn Quận, để các nhóm liên quan có thể kiểm tra các giả thuyết của riêng họ về các ranh giới hiện tại trong MCPS và liên hệ kinh nghiệm của họ với dữ liệu.

Ngoài sự tham gia liên tục với IBE của những cá nhân sử dụng, quá trình tham gia Giai đoạn 2 bao gồm:

- Hai hội thảo công chúng trên mạng (Ngày 20 và 22 tháng 10)
- Một cuộc thảo luận cộng đồng trực tuyến trên toàn quận (Ngày 28 tháng 10)
- Năm cuộc họp nhóm nhỏ với các nhóm có tỉ lệ đại diện thấp
- Sự tham gia của học sinh: ba phiên tham gia ngắn và hai buổi bàn luận trực tuyến

Đại dịch COVID-19 gây cả những khó khăn và thách thức trong giai đoạn tham gia này. Bản chất trực tuyến của công cụ tương tác đã cho phép người tham gia tham dự một cách an toàn và không có tiếp xúc thể chất. Nó được phát triển để cung cấp một bộ nguồn lực mạnh mẽ hơn và một công cụ khảo sát để nó có thể tồn tại như một nền tảng tương tác độc lập, thay vì một công cụ được thiết kế để sử dụng trong các cuộc họp trực tiếp với sự hỗ trợ của một điều hành viên. Các tính năng đã được thêm vào như video trợ giúp, bài tập có hướng dẫn và khảo sát kỹ thuật số để thu thập ý kiến đóng góp của người dùng.

Mặc dù thiết kế của công cụ tương tác có thể được điều chỉnh để phù hợp với những hạn chế của việc bảo vệ sức khỏe và an toàn trong bối cảnh COVID-19, đại dịch đã đặt ra những thách thức đối với việc phổ biến công cụ và sự tham gia của các nhóm có tỉ lệ đại diện thấp. Quá trình tham gia này đã tạo các chướng ngại cho các thành viên cộng đồng với sự tiếp cận ít hơn với công nghệ và/hay ít thoải mái hơn với hay các kỹ năng

để điều hướng dữ liệu và tham gia vào các nền tảng trực tuyến.

Một số nhóm cộng đồng mà chúng tôi hợp tác như một phần của quá trình tham gia với mục tiêu trong Giai đoạn 1 đã báo cáo là những cư dân mà họ cùng làm việc (bao gồm các gia đình có thu nhập thấp, cộng đồng nhập cư và dân tộc thiểu số) đã bị tràn ngập với nhiều thách thức và căng thẳng của COVID-19, bao gồm cả học tập trực tuyến và trường học mở cửa lại. Điều này có thể góp phần vào tỷ lệ cử tri bỏ phiếu thấp tại các phiên họp nhóm nhỏ nhằm vào các nhóm này trong giai đoạn này.

Dữ liệu khảo sát từ IBE cung cấp một sự hiểu biết hào hứng về các ưu tiên của người tham gia liên quan đến ranh giới trường học, và hiểu biết của họ về nơi có những thách thức và cơ hội lớn nhất để cải thiện ranh giới. Các nguồn lực IBE đã được sử dụng hiệu quả: hàng ngàn người dùng đã xem video trợ giúp trên trang mạng, hơn 700 người đã tham dự hay xem hướng dẫn hội thảo trên mạng về công cụ, và chúng tôi đã nhận được hơn 2,100 câu trả lời cho các bản thăm dò ý kiến, kể từ Ngày 1 tháng 12. Tuy nhiên, dữ liệu khảo sát cho thấy là những người sử dụng công cụ đã không đại diện hoàn toàn cho dân số của quận. Khoảng 54% những người trả lời cư trú ở khu vực phía tây nam của quận (Bethesda, Chevy Chase và Potomac), 40% xác định là Da trắng (29% khác chọn không xác định chủng tộc của họ), và phần lớn những người trả lời là phụ huynh của các học sinh MCPS trong quá khứ, hiện tại hay tương lai (64%).

Bất chấp những khó khăn đối với việc tuyển dụng, quá trình tham gia này đã mang lại nhiều hiểu biết hào hứng, bao gồm nhận xét từ các buổi thảo luận nhóm nhỏ và toàn quận, và ý kiến của hơn 400 học sinh tham gia vào các hoạt động trực tuyến của học sinh và cung cấp ý kiến qua sự kết hợp các thảo luận trực tuyến và bản thăm dò IBE.

Một thông tin tổng quát về các hoạt động tương tác và những hiểu biết có thể tìm thấy trong **Phần 3: Tham Gia Cộng Đồng**.

Kết quả Chính: Phân Tích

Dưới đây là một tập hợp các kết quả chính đưa ra từ năm mô hình được phân tích trong Phân tích Ranh giới Toàn Quận. Những kết quả này và các giả thuyết mà tạo nên các mô hình, được tìm hiểu thêm chi tiết hơn trong Phần 2 của báo cáo này: **Mô hình Ranh giới Trường học**.

1. Những cải tiến đáng kể cho việc sử dụng có thể thực hiện bằng cách thay đổi ranh giới có mục tiêu trên toàn quận.

- Những cải tiến này có thể đạt được khi phân khu trường học lại ít hơn 10% học sinh, một tiêu chuẩn cho các kế hoạch phân khu lại trong quy mô lớn. (Xem Mô hình Tiếp cận, trang <?>. Mô hình 2 (Sử dụng B) có thể loại bỏ hoàn toàn các trường sử dụng kém và các trường sử dụng quá mức.
- CIP xác định các mức để giải quyết tình trạng sử dụng quá mức, dựa trên số học sinh ghi danh vượt quá khả năng của một trường. Các mô hình 1-4 đều tìm ra các kế hoạch ranh giới mà giảm số trường học cần hành động cơ bản nếu 7.5-10% học sinh được phân khu lại. Mô hình 2-4 loại bỏ nhu cầu hành động cơ bản ở tất cả các trường trung học cấp II và cấp III. Phân tích trong Báo cáo Tạm thời cho thấy là dựa trên dữ liệu 2019-2020, ba trường trung học cấp II và tám trường trung học cấp III cần hành động cơ bản dựa trên các chỉ số MCPS. Những cải tiến này được tóm tắt trong phần phụ lục trên trang <?>.
- Trong Mô hình 1-4, những lợi ích sử dụng này có thể thực hiện được bằng cách tăng khoảng cách trung bình đến trường tối đa là 1/8 dặm cho các trường tiểu học và trung học cấp II, và ít hơn một phần tư dặm cho các trường trung học cấp III. Đối với hầu hết các mô hình, sự thay đổi về khoảng cách ít hơn rất nhiều, gần bằng số không.
- Không có mô hình nào có tác động tiêu cực đến sự đa dạng của trường học. Thật ra, hầu hết các mô hình đều có thể làm cho nhân khẩu học của các trường cô lập về kinh tế xã hội và chủng tộc giống với ba trường lân cận gần nhất là trung bình khoảng một đến hai điểm phần trăm trở lên, một cải thiện khiêm tốn.

2. Ranh giới nhóm trường là một trở ngại để giải quyết những thách thức về năng lực, đặc biệt là ở những trường đông đúc nhất.

- Khi ranh giới Nhóm trường được duy trì (Mô hình 2. Sử dụng B), tỷ lệ các trường tiểu học sử dụng quá mức hay sử dụng thấp là 6%, so với 0 khi ranh giới Nhóm được loại bỏ. Con số này là 8% ở các trường trung học cấp II và 4% ở trung học cấp III.
- Cả hai mô hình sử dụng đều có tác động gần như giống nhau đối với khoảng cách đến trường, cho thấy rằng ranh giới Nhóm trường không giúp duy trì khoảng cách ngắn đến trường. Thật ra, Mô hình 4 (Vùng lân cận A) đề xuất là các ranh giới nhóm hiện có thể là trở ngại đối với khoảng cách đến trường.

3. Có thể cải thiện việc sử dụng trường học và tính đa dạng cùng một lúc khi điều chỉnh ranh giới giữa các trường lân cận.

- Mô hình 3 (Đa dạng) có thể làm cho nhân khẩu học của các trường cô lập về kinh tế xã hội và chủng tộc nhất, đại diện cho khoảng hai trong năm trường, tương tự như ba trường lân cận gần nhất của họ trung bình khoảng hai đến bốn điểm phần trăm.
- Lợi ích này có thể đạt được đồng thời cũng làm tăng số trường tiểu học trong phạm vi sử dụng mục tiêu từ chỉ 32% số trường lên 43% số trường. Ở cấp trung học cấp II và cấp III, Mô hình 3 có thể loại bỏ hoàn toàn các trường sử dụng dưới mức và quá mức.
- Những lợi ích này đạt được khi phân khu lại từ 7.5 đến 10% học sinh và với tác động khiêm tốn cho khoảng cách đến trường. Trung bình, khoảng cách đến trường trong Mô hình 3 (Đa dạng) tăng 1/8 dặm đối với các trường tiểu học, 1/10 dặm đối với trường trung học cấp II và 1/4 dặm đối với trường trung học cấp III.

4. Dựa trên kết quả của cả năm mô hình, rất khó để cải thiện khoảng cách đến trường trong khi cải thiện các số liệu khác, đặc biệt là sử dụng. Trên khắp các cấp trường học, chúng tôi quan sát thấy sự gia tăng tối thiểu đối với khoảng cách trung bình đến trường toàn quận lên đến một phần tư dặm, mặc dù thường tăng lên mức trung bình toàn quận là ít hơn một phần tám dặm. Điều này cho thấy rằng các ranh giới trường học hiện tại có thể đang giảm thiểu khoảng cách đến trường với chi phí của các ống kính khác.

- Những cải tiến đáng kể đối với việc sử dụng và các số liệu đa dạng là có thể được trong khi chỉ tăng ít khoảng cách trung bình đến trường. Những cải tiến này có thể đạt được giữa các trường liền kề mà không cần phụ thuộc vào bất kỳ sự phân công cô lập mới nào và không phụ thuộc nhiều hơn vào phương tiện vận chuyển của quận.
- Mặc dù có thể giảm khoảng cách đến trường tại địa phương, nhưng ở quy mô học khu, khoảng cách trung bình đến trường tăng ít hay vẫn nguyên như vậy trong hầu hết các mô hình. Điều này một phần là do mục tiêu phân khu lại ít hơn 10% học sinh trên bất kỳ mô hình nào.
- Không có đủ năng lực để cho phép mỗi học sinh theo học tại trường gần nhất của họ. Việc phân khu trường lại cho tất cả học sinh đến trường gần nhất sẽ đưa đến việc phân khu lại khoảng 18.6% học sinh tiểu học, 25.0% học sinh trung học cấp II và 23.8% học sinh trung học cấp III được phân khu lại (Mô hình 5. Khoảng cách Đến Trường B). Ngay cả sau khi phân khu lại số lượng học sinh lớn này, những cải thiện tối thiểu đối với cả việc sử dụng và khoảng cách trong toàn quận chỉ có thể thực hiện được ở cấp trung học cấp II.

5. Dựa theo phân tích các lợi ích và tác động đến các chỉ số đo lường đa dạng trên cả năm mô hình, ranh giới trường trung học cấp II và cấp III hiện tại tạo ra nhiều khác biệt về nhân khẩu học hơn so với ranh giới chỉ dựa trên khoảng cách. Ở các cấp trường học này, có những cơ hội để cải thiện khoảng cách đến trường trong khi cải thiện các chỉ số về tính đa dạng, mặc dù phải đánh đổi với sự ổn định của việc chỉ định trường.

- Mô hình 5 (Vùng lân cận B) kiểm tra ảnh hưởng của việc đổi lại ranh giới trường học chỉ dựa trên khoảng cách, ngoại trừ các chỉ định trường cô lập được giữ nguyên một phần. Khi thay đổi này được thực hiện, sự khác biệt về kinh tế xã hội và chủng tộc của các trường so với các trường lân cận sẽ giảm 4-6 điểm phần trăm đối với các trường trung học cấp II và cấp III cô lập nhất.
- Những cải tiến này đối với chỉ số đa dạng ở cấp trung học cấp II và cấp III lớn hơn so với những cải tiến mà Mô hình 3 (Đa dạng) đạt được, mà cho thấy các đo lường về đa dạng là ưu tiên. Mô hình 3 cho thấy mức độ cải thiện trung bình là 2 và 3 điểm phần trăm đối với các trường trung học cấp II và cấp III cô lập nhất, tương ứng.
- Đáng chú ý, Mô hình 5 (Vùng lân cận B) có những tác động tiêu cực đáng kể đối với việc sử dụng và ổn định của việc chỉ định trường. Do đó, mô hình có thể không phải là lựa chọn tốt nhất để theo đuổi. Tuy nhiên, mô hình nhấn mạnh sự tồn tại của các cơ hội để cải thiện khoảng cách đến trường trong khi cải thiện chỉ số đa dạng.

6. Dựa trên phân tích của Mô hình 1-4, những thay đổi ở quy mô toàn diện, toàn học khu có thể đạt được những cải thiện lớn hơn nhiều so với những thay đổi địa phương nhỏ.

- Kể từ năm 2012, có tới 2.5% học sinh mỗi cấp trường học đã được phân khu lại trong bất kỳ năm nào. Hầu hết các năm từ 2012 đến nay, ít hơn 1% học sinh bị phân khu lại. Mặc dù ước mong từ quan điểm ổn định việc chỉ định, cách tiếp cận gia tăng và thuộc khu trú này có thể không đáp ứng được đầy đủ với sự thay đổi nhanh chóng của số học sinh ghi danh và những thách thức đáng kể về sử dụng.
- Mô hình 1-4 đưa ra các kế hoạch ranh giới theo giả thuyết mà giải quyết những thách thức trên toàn quận và cho thấy cơ hội đáng kể để cải thiện việc sử dụng, đồng thời phân khu lại trường học cho không quá 10% học sinh.

So sánh các Mô hình

Bảng 1 Tóm tắt các số liệu thống kê chính phát hiện từ năm mô hình được phân tích trong Phân tích Ranh giới Toàn Quận.

Bảng 1 — Mô hình Lợi ích và Tác động

Mô hình	Sử dụng	Sự Đa Dạng	Khoảng cách	Ổn Định về Chỉ Định Trường Học
1. Sử dụng A	<p>+ Mức tốt hơn vừa phải Mức độ sử dụng trường học</p> <ul style="list-style-type: none"> ES: 80-130% MS: 74-120% HS: 82-122% 	<p>● Thay đổi tối thiểu Thay đổi chủng tộc khác nhau của hầu hết các trường cô lập</p> <ul style="list-style-type: none"> ES: -2 pp MS: Không thay đổi HS: Không thay đổi 	<p>● Thay đổi tối thiểu Thay đổi khoảng cách trung bình đến trường</p> <ul style="list-style-type: none"> ES: +1/10 mi MS: Không thay đổi HS: Không thay đổi 	<p>~ Mức kém hơn vừa phải Lên đến 10% thay đổi ở các cấp trường học</p>
2. Sử dụng B	<p>★ Mức tốt hơn đáng kể Mức độ sử dụng trường học</p> <ul style="list-style-type: none"> ES: 82-119% MS: 92-103% HS: 100-106% 	<p>● Thay đổi tối thiểu Thay đổi chủng tộc khác nhau của hầu hết các trường cô lập</p> <ul style="list-style-type: none"> ES: -1 pp MS: -1 pp HS: -1 pp 	<p>● Thay đổi tối thiểu Thay đổi khoảng cách trung bình đến trường</p> <ul style="list-style-type: none"> ES: +1/16 mi MS: Không thay đổi HS: Không thay đổi 	<p>~ Mức kém hơn vừa phải Lên đến 10% thay đổi ở các cấp trường học</p>
3. Sự Đa Dạng	<p>★ Mức tốt hơn đáng kể Mức độ sử dụng trường học</p> <ul style="list-style-type: none"> ES: 80-120% MS: 89-106% HS: 97-108% 	<p>★ Mức tốt hơn đáng kể Sự thay đổi bất đồng chủng tộc của hầu hết các trường cô lập</p> <ul style="list-style-type: none"> ES: -4 pp MS: -2 pp HS: -3 pp 	<p>~ Mức kém hơn vừa phải Thay đổi khoảng cách trung bình đến trường</p> <ul style="list-style-type: none"> ES: +1/8 mi MS: +1/10 mi HS: +1/4 mi 	<p>~ Mức kém hơn vừa phải Lên đến 10% thay đổi ở các cấp trường học</p>
4. Khoảng cách đến Trường A	<p>★ Mức tốt hơn đáng kể Mức độ sử dụng trường học</p> <ul style="list-style-type: none"> ES: 90-120% MS: 94-108% HS: 99-107% 	<p>+ Mức tốt hơn vừa phải Thay đổi chủng tộc khác nhau của hầu hết các trường cô lập</p> <ul style="list-style-type: none"> ES: -2 pp MS: -2 pp HS: -1 pp 	<p>● Thay đổi tối thiểu Thay đổi khoảng cách trung bình đến trường</p> <ul style="list-style-type: none"> ES: +1/10 mi MS: +1/32 mi HS: +1/10 mi 	<p>~ Mức kém hơn vừa phải Lên đến 10% thay đổi ở các cấp trường học</p>
5. Khoảng cách đến Trường B	<p>- Kém hơn đáng kể Mức độ sử dụng trường học</p> <ul style="list-style-type: none"> ES: 46-158% MS: 76-120% HS: 61-142% 	<p>★ Mức tốt hơn đáng kể Thay đổi chủng tộc khác nhau của hầu hết các trường cô lập</p> <ul style="list-style-type: none"> ES: -2 pp MS: -5 pp HS: -4 pp 	<p>+ Mức tốt hơn vừa phải Thay đổi khoảng cách trung bình đến trường</p> <ul style="list-style-type: none"> ES: -1/32 mi MS: -1/8 mi HS: -1/4 mi 	<p>- Tệ hơn đáng kể Án định trường học thay đổi khác nhau tùy theo cấp trường học</p> <ul style="list-style-type: none"> ES: 17-18% MS: 23-24% HS: 22-23%

pp = điểm theo phần trăm

Chúng tôi sử dụng năm hạng mục mô tả để so sánh các mô hình:

1. ★ **Mức tốt hơn đáng kể**
2. + **Mức tốt hơn vừa phải**
3. ● **Thay đổi tối thiểu**
4. ~ **Mức kém hơn vừa phải**
5. - **Kém hơn đáng kể**

Các danh mục này nên được hiểu là tương đối so các điều kiện hiện có và kết quả của các mô hình khác, thay vì là các phán xét về tầm quan trọng của thấu kính. Chúng tôi không cân nhắc liệu thấu kính này có quan trọng hơn thấu kính khác hay không và bảng so sánh mô hình không được trình bày ở đây cũng như không nhằm mục đích là khuôn tính điểm.

Kết quả chính: Tham gia

Dưới đây là một tập hợp các kết quả chính xuất hiện từ các hoạt động tham gia trong Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2. Những kết quả này được tìm hiểu thêm chi tiết hơn trong Phần 3 của báo cáo này: **Tham Gia Cộng Đồng**.

1. Quyền truy cập vào dữ liệu và tính minh bạch được những người tham gia đánh giá cao.

- Trong Giai đoạn 1, các yêu cầu truy cập nhiều hơn vào dữ liệu được sử dụng trong phân tích này và các đề xuất để tạo một công cụ trực tuyến tương tác đã thông báo cho sự phát triển của chúng tôi về Interactive Boundary Explorer (IBE).
- Các công cụ dữ liệu và kỹ thuật số (và các hạn chế của COVID-19) đưa ra những thách thức đối với việc tiếp cận các nhóm với tỷ lệ đại diện thấp, bao gồm khả năng tương thích với thiết bị di động, kiến thức/tiện nghi về dữ liệu và thiếu sự tham gia địa phương.

2. Các nhóm với tỷ lệ đại diện thấp là khó khăn để được MCPS tiếp cận, và các ưu tiên của họ có thể khác với các nhóm được đại diện cao hơn.

- Đa số người tham gia các cuộc họp toàn vùng và bản khảo sát IBE là người Da trắng, cư dân vùng Tây Nam của học khu, và phụ huynh của học sinh MCPS.
- Sự tham gia có mục tiêu cho thấy sự khác biệt chính về ưu tiên giữa các nhóm ít được đại diện (tức là cộng đồng người Nam Mỹ, nhóm người nhập cư, người Mỹ gốc Phi, các gia đình có thu nhập thấp và trung bình, và những người sống ở các khu vực ít được đại diện của quận).
- Sự khác biệt chính trong các nhóm ít được đại diện bao gồm hỗ trợ nhiều hơn cho việc xem lại thường xuyên ranh giới trường học, nhấn mạnh nhiều hơn đến các tác động của việc sử dụng quá mức và dưới mức, và nhấn mạnh hơn vào tầm quan trọng của sự đa dạng.¹
- MCPS nên tiến hành sự tham gia có mục tiêu hơn nữa trong việc lập kế hoạch ranh giới, lưu ý rằng sự tham gia rộng hơn trên phạm vi toàn khu vực có thể làm mất đi quan điểm của các nhóm lớn của những người liên quan.

¹ Xem Báo cáo Phụ lục Tham gia Giai đoạn 1 để biết các nhận xét chi tiết và chủ đề từ các cuộc họp nhóm nhỏ trong Giai đoạn 1.

3. Khoảng cách và sự ổn định về phân khu trường là những ưu tiên cao nhất đối với đa số những người tham gia Giai đoạn 2. Các mô hình được trình bày trong báo cáo này cho thấy là rất khó để cải thiện khoảng cách đến trường trong khi vẫn tuân thủ các thông số hợp lý cho sự ổn định của việc phân khu trường.

- 87% những người trả lời bản khảo sát IBE đánh giá khoảng cách gần trường học là "vô cùng quan trọng." Sự ổn định của việc phân khu trường là một ưu tiên khác đối với những người trả lời bản khảo sát, với khoảng 82% xếp hạng giảm thiểu số học sinh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi ranh giới là "vô cùng quan trọng" (xem toàn bộ kết quả khảo sát bắt đầu trên trang <OV>).
- Các mô hình trong báo cáo này cho thấy sự đánh đổi mạnh mẽ giữa sự ổn định của việc phân khu trường và cải thiện khoảng cách đến trường: giảm khoảng cách đến trường học toàn quận là không thể được nếu không phân khu vực lại một số học sinh khá lớn (khoảng 20%).

4. Nhiều người tham gia liên kết kết quả đa dạng được cải thiện với sự gia tăng đáng kể khoảng cách đến trường. Các mô hình được trình bày trong báo cáo này cho thấy có thể cải thiện sự đa dạng giữa các trường lân cận, mà không có tác động đáng kể đến vùng lân cận.

- Trong số những người trả lời bản thăm dò IBE - 40% xác định là Da trắng và 54% sống ở vùng Tây Nam của quận--sự đa dạng là cách đo duy nhất mà một tỷ lệ đáng kể những người trả lời bản thăm dò cho là "rất không quan trọng" (khoảng 36%). Nhận xét trong suốt quá trình tham gia và các xu hướng khác trong cuộc khảo sát cho thấy điều này có thể liên quan một phần đến sự thỏa hiệp nhận thức được về khoảng cách đến trường và sự ổn định của việc phân định trường (xem toàn bộ kết quả khảo sát bắt đầu trên trang<?>).
- Các mô hình trong báo cáo này cho thấy là các cải tiến đối với việc sử dụng và tính đa dạng có thể được thực hiện mà không ảnh hưởng nhiều đến khoảng cách đến trường hiện có và ở trong các thông số hợp lý đối với sự ổn định về chỉ định trường của học sinh.
- Đặc biệt, Mô hình 3 cho thấy là sự đa dạng và sử dụng có thể được cải thiện cùng lúc, với sự gia tăng tối thiểu về khoảng cách đến trường.

5. Sự tham gia của học sinh cho thấy tầm quan trọng của tiếng nói học sinh trong việc kế hoạch ranh giới trường học trong MCPS, và gọi ra những phát hiện chính về các ưu tiên và kinh nghiệm của học sinh.

- Sự tham gia của học sinh được nhấn mạnh như một phần trọng tâm của sự tham gia Giai đoạn 2, với nhiều học sinh và nhóm học sinh bày tỏ ý muốn mạnh mẽ được tham gia vào quá trình này trong Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2 và quan điểm của họ được quan tâm đến.
- Thảo luận của học sinh tại các buổi thảo luận ảo đã tiết lộ một bộ chủ đề độc đáo so với sự tham gia rộng rãi hơn trong quá trình này, bao gồm sự nhấn mạnh về sự khác biệt giữa các trường lân cận và trong toàn học khu và nhấn mạnh hơn vào việc sử dụng và đa dạng là ưu tiên.
- Học sinh đã cung cấp nhiều thông tin chi tiết về những thách thức và cơ hội độc đáo ở mỗi cấp trường, nhấn mạnh trình độ ES thường là cấp độ với những thách thức lớn nhất liên quan đến việc sử dụng và đa dạng, cũng như cấp độ nơi những thấu kính này đặc biệt quan trọng. Ở cấp độ MS và HS, học sinh nhấn mạnh những thách thức với khoảng cách gần trường, đặc biệt có thể ảnh hưởng đến những học sinh sống xa trường hơn với ít nguồn lực hơn.

6. Kết quả thăm dò của IBE cho thấy sự khác biệt chính trong các ưu tiên giữa các khu vực địa lý của học khu.

- Ưu tiên của người trả lời ở phía Đông Nam (Colesville, Fairland và Burtonsville) và phía Nam (Silver Spring, Takoma Park, Wheaton và White Oak) có xu hướng thay đổi nhiều nhất so với những người ở các khu vực khác, với tỷ lệ người trả lời cho là "Cân bằng sự đa dạng giữa các trường lân cận" là quan trọng hoặc cực kỳ quan trọng so với toàn học khu, đặt ít ưu tiên cho khoảng cách gần trường là điều rất quan trọng, và tỷ lệ lớn hơn nhấn mạnh việc sử dụng là quan trọng.
- Trong các kết quả thăm dò cho đến nay, khu vực dường như là một yếu tố lớn hơn trong các ưu tiên của người trả lời so với các yếu tố về nhân khẩu học khác bao gồm chủng tộc/dân tộc và vai trò/mối quan hệ với MCPS.
- Với quy mô mẫu tương đối nhỏ của những người được hỏi cư trú ở các khu vực bên ngoài phía Tây Nam, nên nghiên cứu và tiếp cận sâu hơn được đề nghị để hiểu các thay đổi trong các ưu tiên của cộng đồng trong toàn quận.